

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 9 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Ông Cao Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chũ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H về chung sống cùng nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 17/02/2004 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người một quan điểm, một tính cách khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Chính vì vậy anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau từ năm 2009 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị Hoàng Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị Hoàng Thị N khai nhận, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 23/8/2003 và cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006. Hiện nay cháu Hoàng Thị Mỹ L đã trưởng thành nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Hoàng Thị Thanh L, chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu cháu L đề nghị ở với bố thì hàng tháng chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Nếu cháu L đề nghị ở với mẹ thì chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án do anh Hoàng Văn H thường đi làm ăn xa, nên các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bị đơn đều giao cho ông Hoàng Minh Đ (là bố đẻ của anh Hoàng Văn H) nhận thay, đồng thời ông Hoàng Minh Đ cũng đã thông báo cho anh Hoàng Văn H biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị Hoàng Thị N, nhưng anh Hoàng Văn H không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2022 ông Hoàng Minh Đ (là bố đẻ của bị đơn Hoàng Văn H), trú tại thôn T, xã Đ, cho biết: Năm 2003 anh Hoàng Văn H là con trai thứ tư của gia đình ông, có xây dựng gia đình với chị Hoàng Thị N, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị N về làm dâu sống chung cùng gia đình nhà chồng, đến năm 2004 thì hai anh chị làm nhà ra ở riêng sinh sống tại thôn T, xã Đ, huyện B. Quá trình chung sống anh H và chị N sống hạnh phúc và có 02 con chung, kể từ khi ra ở riêng cuộc sống chung giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì ông cũng không biết. Năm 2010 chị Hoàng Thị N đã bỏ chồng con đi khỏi địa phương, không quan tâm gì đến gia đình nhà chồng và cũng đã sống ly thân với anh H (con trai của ông) từ đó đến nay. Nay chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết việc ly hôn với con trai của ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung ông Hoàng Minh Đ xác nhận anh H và chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 23/8/2003 và cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006, quan điểm của ông Hoàng Minh Đ đề nghị Tòa án lấy lời khai của các cháu, các cháu quyết định ở với ai thì Tòa án giao cho người đó nuôi để đảm bảo quyền lợi của

con chung.

Trên cơ sở xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang ngày 24/8/2022, Ông Nguyễn Minh T, công chức tư pháp xã Đ; ông Hoàng Thế G- Phó trưởng công an xã Đ và ông Nguyễn Quang T, trưởng thôn T, xã Đ cho biết: chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn H đăng ký kết hôn ngày 17/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Yên, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, sau khi cưới chị N về làm dâu và sinh sống cùng bố mẹ chồng tại thôn T, xã Đ, sau 01 năm anh chị làm nhà ra ở riêng tại thôn T, xã Đ. Quá trình chung sống chị N và anh H có 02 con chung là Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 23/8/2003 và Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006. Đến năm 2010 chị N một mình rời khỏi địa phương và sống ly thân với anh H từ đó đến nay nhưng chưa cắt chuyển khẩu. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị thì chính quyền địa phương không nắm được vì chưa bao giờ anh chị viết đơn đến thôn xã để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại anh H là lao động tự do, đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà.

Quá trình mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/8/2022 chị Hoàng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Hoàng Minh Đ (là bố đẻ của anh H) hợp lệ nhưng anh H không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo luật định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con chung tại chính quyền địa phương và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do, còn tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, về con chung chị Hoàng Thị N đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, giao cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006 cho anh Hoàng Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L với mức là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ chung chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Hoàng Thị N đã chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh Hoàng Văn H đã không tuân thủ và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H.

+ Về con chung: Đề nghị xử giao cho anh Hoàng Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L với mức là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và giao cho anh Hoàng Văn H là người nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Hoàng Thị Thanh L.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Xét đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Hoàng Thị N được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Minh Đ (là bố đẻ anh H) theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, biên bản làm việc với ông Hoàng Minh Đ (là bố đẻ của bị đơn) cho thấy, chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn H về chung sống như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 2004 anh chị đã tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó cuộc hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và có hai con chung, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người một quan điểm, một tính cách khác nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, năm 2010 chị Hoàng Thị N đã bỏ chồng con đi làm ăn xa và sống ly thân anh Hoàng Văn H từ đó cho đến nay. Trên cơ sở các biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại chính quyền địa phương cùng các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cho thấy chị N đã bỏ gia đình nhà chồng đi

khỏi địa phương từ năm 2010 cho đến nay, giữa hai anh chị không còn chung sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Văn H có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 23/8/2003 và cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006. Hiện nay cháu Hoàng Thị Mỹ L đã trưởng thành nên khi ly hôn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng với quy định của pháp luật. Đối với cháu Hoàng Thị Thanh L, sau khi Tòa án lấy lời khai của cháu, nguyện vọng của cháu L đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu ở với bố, nên chị N cũng nhất trí theo nguyện vọng của cháu. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của cháu Hoàng Thị Thanh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 2006, năm nay cháu 16 tuổi, hiện đang học lớp 11 tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang. Kể từ năm 2010 mẹ cháu bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay cháu vẫn sống cùng bố và ông bà nội tại thôn T, xã Đ, huyện B, điều kiện, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu ổn định. Do đó, xét thấy nguyện vọng của cháu đề nghị được ở với bố là hợp tình, hợp lý, đảm bảo về mặt tâm sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con, cần áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Hoàng Thị Thanh L, cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng chị Hoàng Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L với mức là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận theo các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình và giao cho anh Hoàng Văn H là người nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Hoàng Thị Thanh L.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Hoàng Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thị Thanh L, sinh ngày 04/01/2006. Chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Thị Thanh L với mức là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Giao cho anh Hoàng Văn H là người nhận số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Hoàng Thị Thanh L.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung chị Hoàng Thị N, anh Hoàng Văn H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0003162, ngày 11 tháng 7 năm 2022. Chị Hoàng Thị N phải nộp thêm số tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư